

Số: 40 /KH-THPT

Đắk Mil, ngày 10 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT ĐẮK MIL GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, TẦM NHÌN 2030

Trong 05 năm gần đây, nhà trường có sự phát triển đáng kể, vì thế việc xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của nhà trường là công việc có ý nghĩa hết sức quan trọng, đây là bước triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ VIII nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng bộ, là định hướng lâu dài để xây dựng nhà trường ổn định, phát triển toàn diện. Cùng các trường trung học phổ thông (THPT) trong tỉnh, trường THPT Đắk Mil quyết tâm góp phần xây dựng Ngành giáo dục huyện Đắk Mil nói riêng và Ngành giáo dục tỉnh Đắk Nông nói chung phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường.

I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

Trường THPT Đắk Mil được thành lập theo Quyết định số 320/QĐ-UB ngày 22/7/1982 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trong 39 năm qua, trường THPT Đắk Mil đã 04 lần lần chia tách để thành lập các trường mới, đến năm 2015 được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của thời đại và chuẩn bị tốt cho việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhà trường cần phải có nhiều nỗ lực hơn nữa trong công tác xây dựng và phát triển về mọi mặt.

Hiện nay nhà trường có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) là 72 người, trong đó GV, NV là 68 người biên chế thành 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Đảng bộ nhà trường có 04 chi bộ với 42 đảng viên; có tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ, Tiểu đội tự vệ. Các tổ chức, đoàn thể và các bộ phận trong nhà trường hoạt động theo đúng quy định.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Nghị quyết số 29, Khóa XI của BCH TW Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”;
- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội khóa 14;
- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
- Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đắk Mil lần XV nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường THPT Đắk Mil lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về quy mô trường, lớp, học sinh (HS)

- Số lớp học hiện có là 28 lớp, gồm 09 lớp 10, 10 lớp 11 và 09 lớp 12.
- Số HS có đến cuối học kỳ 1 năm học 2021-2022 là: 1168 em.

2.2. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số có 72 người, trong đó CB quản lý 03 người, GV 63 người, NV 06 người. 100% CB quản lý, GV, NV có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 10 thạc sĩ và 01 GV đang đi học cao học.

2.3. Về cơ sở vật chất

- Diện tích khuôn viên trường là 2 hecta.
- Phòng học: 28 phòng; phòng máy tính: 03 phòng; phòng học bộ môn (Lý, Hoá, Sinh, Tiếng Anh): 05 phòng; phòng đợi GV, phòng hội đồng, phòng làm việc hành chính và các phòng cho các tổ chức đoàn thể đầy đủ.
- Thư viện, kho sách, phòng đọc và phòng truyền thống: cơ bản đảm bảo cho các hoạt động nhưng diện tích và kết cấu chưa đảm bảo đồng bộ, hài hòa.
- Nhà đa năng kích thước 15m x 36m; sân bóng đá cỏ tự nhiên kích thước 40m x 50m. Nhà vệ sinh và để xe cho CB, GV, NV và HS đầy đủ.

III. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Môi trường bên trong

1.1. Về đội ngũ CB quản lý, GV, NV

a. Điểm mạnh:

- Đội ngũ GV, NV đa số nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, Tuổi nghề bình quân CB quản lý và GV là trên 15 năm, nhiều người có trình độ chuyên môn giỏi, kinh nghiệm công tác tốt, đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.
- CB quản lý có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực, kinh nghiệm và nhiệt tình trong công tác; có khả năng lập kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để quản lý, xây dựng nhà trường phát triển; tích cực cập nhật các thông tin để đổi mới công tác quản lý.

b. Điểm hạn chế:

- Một số ít cá nhân trình độ ngoại ngữ và tin học còn hạn chế; chậm đổi mới về tác phong làm việc. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ chưa thật đồng đều; một số ít GV còn có những hạn chế về năng lực giảng dạy, giáo dục HS.
- Cơ cấu đội ngũ GV chưa cân đối¹; một bộ phận GV vẫn thiên về dạy kiến thức mà thiếu sự chú ý và quan tâm đến giáo dục về đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, ứng xử.

¹ Vẫn còn tình trạng thừa, thiếu GV cục bộ; chưa có GV bộ môn Mỹ thuật, Âm nhạc để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1.2. Về số lượng, chất lượng HS

a. Điểm mạnh:

- Tổng số HS toàn trường trung bình trong những năm học gần đây là 1150 học sinh, chia thành 26 đến 28 lớp; tuyển sinh lớp 10 hàng năm luôn đạt chỉ tiêu nên tiến tới ổn định ở quy mô 28 đến 30 lớp; chất lượng tuyển sinh được cải thiện.

- Chất lượng dạy học những năm gần đây đạt luôn đạt chỉ tiêu, đạt trên mức quy định về chất lượng của trường đạt chuẩn quốc gia; kết quả tham gia các kỳ thi, cuộc thi tương đối tốt. Kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực năm học 2020-2021 như sau:

Về hạnh kiểm:

LỚP	Số HS	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	411	324	78.8	80	19.5	7	1.7	0	0.0
11	380	311	81.8	62	16.3	7	1.8	0	0.0
12	354	326	92.1	25	7.1	3	0.8	0	0.0
Cộng:	1145	961	83.9	167	14.6	17	1.5	0	0.0

Về học lực:

LỚP	Số HS	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	411	47	11.4	155	37.7	204	49.6	5	1.2
11	380	45	11.8	171	45.0	160	42.1	4	1.1
12	354	66	18.6	194	54.0	95	26.8	2	0.6
Cộng:	1145	158	13.8	517	45.2	459	40.1	11	1.0

b. Điểm hạn chế

- Một số ít HS điều kiện học tập còn hạn chế, ý thức chưa cao, lực học còn yếu.

- Chất lượng giải qua các kỳ thi, cuộc thi chọn HS giỏi chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của nhà trường; những năm gần đây không có HS đạt giải HS giỏi cấp quốc gia.

1.3. Về cơ sở vật chất (CSVC)

a. Điểm mạnh:

Có đủ phòng học cho toàn bộ HS học chính khóa vào buổi sáng, học thêm vào buổi chiều; bàn ghế, ti vi và các trang thiết bị cho 28 phòng học luôn được rà soát, sửa chữa, bổ sung để đảm bảo chất lượng. CSVC nói chung đáp ứng được yêu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện tại.

b. Điểm hạn chế

- Thư viện nhà trường chưa đạt chuẩn; phòng Truyền thống chưa tương xứng với bề dày lịch sử 40 năm thành lập; máy tính ở phòng Tin học, thư viện và một số phòng làm việc chất lượng thấp; thiết bị phòng lab và các phòng bộ môn chưa đáp ứng theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư mới. Một số hạng mục công trình xuống cấp chưa được đầu tư, sửa chữa kịp thời.

- Chưa có phòng dạy học môn Mỹ thuật, Âm nhạc đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chưa có phòng sinh hoạt bộ môn cho các tổ chuyên môn; hoa viên, cảnh quan nhà trường chưa được xây dựng bài bản; vườn trường

chưa được đầu tư xây dựng ngăn nắp và việc trồng cây, chăm sóc chưa được thường xuyên.

2. Môi trường bên ngoài

a. Thời cơ

- Sự phát triển của khoa học công nghệ giúp cho các hoạt động giáo dục có thêm nhiều thông tin, tư liệu, phương tiện; tạo cơ hội để đổi mới, tiến kịp với các vùng miền trong nước và các nước khác trên thế giới.

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Ngành giáo dục, lãnh đạo địa phương, có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các ban ngành đoàn thể địa phương, với Ban đại diện cha mẹ HS.

- Là địa phương có truyền thống hiếu học; công tác khuyến học, khuyến tài ở địa phương đã và đang phát triển, có những tác động tích cực đến công tác giáo dục.

- Đã có sự tín nhiệm của HS và cha mẹ HS trong địa bàn; nhu cầu giáo dục chất lượng cao rất lớn và ngày càng tăng.

b. Thách thức

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ HS và xã hội trong thời kỳ hội nhập; CB quản lý, GV, NV phải không ngừng và tích cực bồi dưỡng, học tập, đổi mới, sáng tạo để đáp ứng sự phát triển công nghệ thông tin, công nghệ số, sự đổi mới giáo dục.

- Tệ nạn xã hội có chiều hướng diễn biến phức tạp với những thủ đoạn tinh vi; đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên có chiều hướng gia tăng.

- Một số cha mẹ HS đi làm ăn xa, nhiều gia đình HS có điều kiện, hoàn cảnh khó khăn nên hạn chế trong việc chăm sóc, quản lý con em. Một số ít cha mẹ HS chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc theo dõi, giáo dục.

3. Xác định các vấn đề ưu tiên

- Từng bước hoàn thiện các điều kiện để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 về CSVC, thiết bị dạy học, đội ngũ GV, tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng trường học thông minh, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực HS; gắn dạy học với thực tiễn. Chú trọng công tác giáo dục đạo đức theo tinh thần mới, thân thiện và tích cực nhưng nghiêm túc và kiên quyết.

- Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ CB quản lý, GV, NV; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục, dạy học và quản lý.

- Duy trì các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, sáng tạo, năng động để mỗi HS phát triển tối đa khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước.

2. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Tôn trọng, Trung thực, Đoàn kết.
- Tinh thần trách nhiệm, sự hợp tác.
- Linh hoạt, sáng tạo.
- Khát vọng vươn lên.

3. Tầm nhìn

Đáp ứng được những yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam, ngang tầm với các trường THPT có chất lượng tốt của các tỉnh Tây Nguyên.

Trở thành trường có chất lượng cao, là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, là nơi để GV và HS luôn năng động sáng tạo, tự giác phấn đấu vươn lên vì sự phát triển của bản thân và vươn tới thành công vì danh dự và truyền thống nhà trường, đáp ứng các yêu cầu phát triển của tỉnh Đắk Nông nói riêng và của đất nước nói chung.

V. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung (giai đoạn 2021 đến 2025 và định hướng đến 2030)

Xây dựng nhà trường đủ các cần thiết điều kiện để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với tiềm năng nhà trường và xu thế hội nhập phát triển của đất nước. Xây dựng mô hình trường học thông minh trong quản lý trường học giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Năm học 2021-2022, trường THPT Đắk Mil hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông cấp độ 2; tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày thành lập trường vào cuối năm 2022.

- Từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024-2025 đảm bảo tốt các điều kiện để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; duy trì vị trí top 5 trường THPT trên địa bàn tỉnh có chất lượng tốt.

- Đến năm 2030, trường THPT Đắk Mil phấn đấu đạt các mục tiêu: Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định, thương hiệu nhà trường được nâng cao, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 3.

2. Chỉ tiêu

2.1. Đội ngũ CB quản lý, GV, NV

- Năng lực chuyên môn của CB quản lý, GV, NV được đánh giá khá, giỏi trên 85%. Có 100% GV sử dụng và ứng dụng thành thạo các thiết bị công nghệ để giải quyết tốt các công việc.

- Có trên 20% CB quản lý, GV có trình độ sau Đại học. Trong đó 30% GV đạt trình độ sau Đại học, 75% tổ trưởng CM có trình độ sau Đại học.

2.2. Học sinh

- Qui mô: Lớp học: 28 đến 30 lớp; HS: 1150 đến 1250 em.

- Chất lượng học tập: Trên 45% học lực khá, giỏi (ít nhất 5% học lực giỏi); tỷ lệ HS có học lực yếu kém < 5%.

+ Thi HS giỏi cấp tỉnh 12: trung bình có từ 10 giải/ năm học trở lên; có HS đạt giải HS giỏi quốc gia.

+ Tổ chức, tham gia đầy đủ, có hiệu quả các kỳ thi, cuộc thi do cấp trên tổ chức, phát động.

+ Đủ điều kiện để vào học Đại học: Trên 50 %.

- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống: trên 95% hạnh kiểm khá, tốt; hạnh kiểm loại yếu không quá 2%; HS được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực, tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện.

2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Đảm bảo điều kiện để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, xây dựng môi trường sư phạm "Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn", từng bước xây dựng trường học thông minh.

- Thực hiện sửa chữa, trùng tu, nâng cấp các hạng mục công trình và các thiết bị, máy móc hiện có; tập trung cải tạo, nâng cấp thư viện, phòng truyền thống; xây dựng thêm phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng các tổ bộ môn; xây dựng biển trường chuẩn, hoa viên, sân cỏ nhân tạo, hồ bơi.

- Mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học đảm bảo *Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT* theo Thông tư số 39 /2021/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT.

3. Phương châm hành động: "*Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường*".

VI. PHƯƠNG CHÂM

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục HS

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá HS phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng HS. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp HS có được những kỹ năng sống cơ bản để hòa nhập với sự phát triển của xã hội.

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ

Xây dựng đội ngũ CBQL, GV, NV luôn đảm bảo đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị tốt; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực; đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục

Xây dựng CSVC trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, kiểm tra đánh giá, xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử ... Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Sử dụng có hiệu quả website của trường để cung

cấp thông tin, quảng bá thương hiệu; kêu gọi, vận động các nhà tài trợ, cựu HS trường hỗ trợ tài chính để phục vụ cho sự phát triển của nhà trường.

5. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục

- Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CB quản lý, GV, NV.

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường.

+ Nguồn lực tài chính: ngân sách Nhà nước; ngoài ngân sách từ xã hội, cha mẹ HS, các nhà mạnh thường quân, các tổ chức, cá nhân ...; các nguồn từ giảng dạy, dịch vụ của nhà trường.

+ Nguồn lực vật chất: Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công; trình phụ trợ; trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy học.

6. Xây dựng thương hiệu

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường.

- Xác lập tín nhiệm, thương hiệu đối với từng CB quản lý, GV, NV.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

V. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CB quản lý, GV, NV nhà trường, cơ quan chủ quản, cha mẹ HS, HS và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

- Giai đoạn 1 (Từ năm 2021-2022): chuẩn bị tốt các điều kiện để đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2, tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, chuẩn bị tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập trường; chuẩn bị đủ điều kiện (nhân lực, CSVC, thiết bị) thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho khối lớp 10.

- Giai đoạn 2 (Từ năm 2022-2025): Hoàn thiện các điều kiện để thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho 03 khối lớp; hoàn thành việc sửa chữa, xây dựng bổ sung các hạng mục công trình; mua sắm đầy đủ trang thiết bị dạy học.

- Giai đoạn 3 (Sau năm 2025): Nâng cao chất lượng giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cơ bản xây dựng được trường học thông minh; đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 3 vào năm 2030.

3. Tổ chức thực hiện

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3.1. Hội đồng trường

Quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, các dự án trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết định sửa đổi, bổ sung kế hoạch đề trình

TRƯỜNG
THAM
TRƯỜNG
TRƯỜNG
TRƯỜNG

cấp có thẩm quyền phê duyệt; giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để thực hiện kế hoạch chiến lược.

3.2. Đối với Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược đến CB quản lý, GV, NV trong nhà trường. Cụ thể hoá chiến lược thành phương hướng nhiệm vụ trong từng năm học. Chỉ đạo Ban kiểm tra nội bộ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

3.3. Đối với các Phó hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

3.4. Đối với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội LHTN Việt Nam

Phối hợp với Hiệu trưởng để có kế hoạch triển khai, có phương thức tuyên truyền vận động thành viên của tổ chức mình phụ trách thực hiện tốt các nhiệm vụ chiến lược.

3.5. Đối với tổ trưởng CM

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

3.6. Đối với cá nhân CB quản lý, GV, NV

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học; báo cáo kết quả thực hiện theo từng học kỳ, năm học; đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch chiến lược là một văn bản có giá trị định hướng cho việc xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường phù hợp với xu hướng phát triển; giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý trong từng kế hoạch hàng năm. Kế hoạch chiến lược còn thể hiện sự quyết tâm của toàn thể CB quản lý, GV, NV để xây dựng cho mình một thương hiệu, địa chỉ giáo dục đáng tin cậy. Trong thời kỳ hội nhập, môi trường kinh tế - xã hội và công nghệ liên tục phát triển, kế hoạch chiến lược của nhà trường phải có sự điều chỉnh và bổ sung. Bản kế hoạch chiến lược này là cơ sở để nhà trường hoạch định chiến lược phát triển giáo dục cho những giai đoạn tiếp theo một cách hệ thống, bền vững.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với UBND tỉnh Đắk Nông: Quan tâm đầu tư cho nhà trường về CSVC và kinh phí để xây dựng, phát triển nhà trường.

2.2. Đối với UBND huyện Đắk Mil: Hỗ trợ đầu tư CSVC để duy trì các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia; quan tâm tuyên truyền, quảng bá về trường trong nhân dân địa phương.

2.3. Đối với Sở GD&ĐT: Tham mưu với UBND tỉnh Đắk Nông tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện kế hoạch chiến lược đã đề ra; hướng dẫn, chỉ đạo trường tổ chức thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao nhất.

2.4. Đối với trường: Tất cả CB quản lý, GV, NV và HS đều được biết về kế hoạch chiến lược; quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch, xây dựng nhà trường xứng đáng với sứ mệnh, tầm nhìn và hệ thống giá trị cơ bản đã đề ra.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông;
- Huyện ủy Đắk Mil; (Để báo cáo)
- UBND huyện Đắk Mil;
- Đảng ủy nhà trường;
- Ban đại diện CMHS (để phối hợp)
- Công đoàn, Đoàn TN, Hội LHTN; (để phối hợp)
- CB, GV, NV trong toàn trường; (để thực hiện)
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Minh Đức

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Chữ ký:



Nguyễn Xuân

